

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà
Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-29



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư EPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC được thành lập và hoạt động theo Nghị quyết số 09/2009/TBĐVN/QĐ-HĐQT ngày 09/07/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0104083642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lại lần thứ 8 ngày 29/12/2017 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư EPT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Anh Dũng	Chủ tịch	
Ông Hoàng Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Nguyễn Hoa Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/12/2017
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/12/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Phương	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Thắng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

05
JNG
TH
HNC
/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP. Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

	C.	
	H.	
	N.	
	A.	
	A.	
	N.	

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư EPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư EPT được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

IN
W
OAN
S.C
IFM

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư EPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Lê Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3294-2015-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.550.461.112	58.488.426.218
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.976.797.826	9.842.545.976
111	1. Tiền		3.976.797.826	6.342.545.976
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.378.632.993	26.464.035.028
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	62.035.724.715	20.317.935.830
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.897.533.023	6.150.586.642
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.556.230.105	282.320.406
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(110.854.850)	(286.807.850)
140	IV. Hàng tồn kho	9	64.228.987.607	21.910.172.393
141	1. Hàng tồn kho		65.225.355.696	21.935.376.348
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(996.368.089)	(25.203.955)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.966.042.686	271.672.821
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	134.084.428	61.170.001
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.801.265.746	210.502.820
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	30.692.512	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.039.240.703	7.789.322.819
220	II. Tài sản cố định		6.986.839.192	7.727.666.848
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.986.839.192	7.727.666.848
222	- Nguyên giá		13.443.369.314	12.958.151.132
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.456.530.122)	(5.230.484.284)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		70.000.000	70.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(70.000.000)	(70.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		52.401.511	61.655.971
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	52.401.511	61.655.971
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		158.589.701.815	66.277.749.037



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		125.351.818.989	35.616.576.189
310	I. Nợ ngắn hạn		125.001.721.989	34.304.122.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	15.143.083.119	6.872.555.465
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		728.645.868	635.784.599
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	609.577.123	250.799.737
314	4. Phải trả người lao động		1.842.085.600	1.794.727.965
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		107.235.026	27.014.072
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		25.710.000	7.103.280
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	102.722.811.062	20.559.403.880
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	13	2.104.457.900	3.765.856.900
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.718.116.291	390.876.291
330	II. Nợ dài hạn		350.097.000	1.312.454.000
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	13	350.097.000	1.312.454.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		33.237.882.826	30.661.172.848
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	33.237.882.826	30.661.172.848
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		908.063.635	908.063.635
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.727.000.000	1.727.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.602.819.191	8.026.109.213
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>550.109.213</i>	<i>509.493.039</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>9.052.709.978</i>	<i>7.516.616.174</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		158.589.701.815	66.277.749.037

Nguyễn Thị Thảo
Người lậpNguyễn Thị Thảo
Kế toán trưởngHoàng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	588.384.107.954	281.173.090.790
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	402.264.302	1.201.964.655
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		587.981.843.652	279.971.126.135
11	4. Giá vốn hàng bán	20	556.172.051.920	250.632.517.069
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.809.791.732	29.338.609.066
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	224.277.739	104.678.922
22	7. Chi phí tài chính	22	5.297.625.607	1.974.385.838
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5.244.661.358	1.942.474.311
25	8. Chi phí bán hàng	23	11.096.288.971	12.040.911.958
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	6.498.894.685	6.530.769.022
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.141.260.208	8.897.221.170
31	11. Thu nhập khác	25	2.545.987.163	968.051.320
32	12. Chi phí khác	26	295.332.226	455.879.854
40	13. Lợi nhuận khác		2.250.654.937	512.171.466
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.391.915.145	9.409.392.636
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.339.205.167	1.892.776.462
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.052.709.978</u>	<u>7.516.616.174</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	4.526	3.758



Nguyễn Thị Thảo
Người lập

Nguyễn Thị Thảo
Kế toán trưởng

Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		605.022.383.803	289.846.909.618
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(666.712.303.381)	(268.404.693.313)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.613.553.175)	(7.399.750.205)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(5.203.729.521)	(2.211.469.664)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.067.776.462)	(2.115.744.704)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		970.148.857	1.367.067.140
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.917.073.794)	(519.695.564)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(78.521.903.673)	10.562.623.308
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(584.898.182)	(39.090.909)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.500.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.500.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		77.646.523	37.335.993
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.507.251.659)	(1.754.916)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		319.587.865.876	88.769.355.754
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(237.424.458.694)	(97.349.303.348)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.000.000.000)	(2.245.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		78.163.407.182	(10.824.947.594)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.865.748.150)	(264.079.202)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.842.545.976	10.106.625.178
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3.976.797.826	9.842.545.976



Nguyễn Thị Thảo
Người lập

Nguyễn Thị Thảo
Kế toán trưởng

Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC được thành lập và hoạt động theo Nghị quyết số 09/2009/TBĐVN/QĐ-HĐQT ngày 09/07/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0104083642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lại lần thứ 8 ngày 29/12/2017 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư EPT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 20.000.000.000 đồng; tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; In ấn và dịch vụ liên quan đến in (trừ các loại Nhà nước cấm); Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa; Sản xuất bao bì từ plastic; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Sản xuất thiết bị điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, Ban Lãnh đạo Công ty đã tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh bằng việc dừng lĩnh vực sản xuất để tập trung vào lĩnh vực thương mại, đa dạng hàng hóa cung ứng ra thị trường. Do đó tăng tích trữ hàng hóa kéo theo công nợ phải thu, công nợ phải trả và nợ vay cũng tăng lên.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

05
IG T
HỆ M
KIẾ
AA
IN KI

2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước) và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPTSố 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	221.971.329	835.342.817
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.754.826.497	5.507.203.159
Các khoản tương đương tiền	-	3.500.000.000
	<u>3.976.797.826</u>	<u>9.842.545.976</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Hoàng Mai có kỳ hạn từ 5 đến 6 tháng, lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,3%/năm dùng để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng này.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Điện lực Đông Anh	-	2.214.300.000
- Công ty Điện lực Hoài Đức	-	6.508.511.460
- CN Tổng công ty điện lực TPHCM TNHH-BQLDA lưới điện phân phối TP.HCM	9.722.780.529	-
- Công ty CP đầu tư và công nghệ Vạn Xuân	8.927.823.300	-
- Công ty Điện lực Thanh Trì	9.659.925.000	-
- Công ty TNHH MTV Điện lực Hải phòng	7.165.757.060	-
- Công ty cổ phần vật liệu điện và viễn thông Sam Cường	6.074.997.104	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	20.484.441.722	11.595.124.370
	<u>62.035.724.715</u>	<u>20.317.935.830</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo đối tượng				
- Công ty Cổ phần công nghệ và thiết bị Minh Thành	-	-	2.939.941.510	-
- Công ty Cổ phần Nghiệp Quảng	62.838.212	-	1.221.479.111	-
- Công ty TNHH kỹ thương Việt Trung	-	-	727.494.000	-
- Công ty Cổ phần Vina Electric	-	-	617.560.000	-
- Công ty TNHH SHAANXI JC ENGINEERING AND TRADING	8.547.608.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	4.287.086.811	-	644.112.021	-
	12.897.533.023	-	6.150.586.642	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	137.156.116	-	282.320.406	-
Ký cược, ký quỹ	1.419.073.989	-	-	-
	1.556.230.105	-	282.320.406	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Xây lắp & Sản xuất Công Nghiệp	110.854.850	-	110.854.850	-
- Công ty Điện Lực Hà Nam	-	-	175.953.000	-
	110.854.850	-	286.807.850	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPTSố 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.310.857.767	(288.193.650)	4.313.404.325	-
Công cụ, dụng cụ	131.529.604	-	706.061.388	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	972.445.081	-
Thành phẩm	1.592.444.172	(704.691.917)	3.639.117.086	(25.203.955)
Hàng hoá	60.190.524.153	(3.482.522)	12.304.348.468	-
	<u>65.225.355.696</u>	<u>(996.368.089)</u>	<u>21.935.376.348</u>	<u>(25.203.955)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.763.778.181	7.937.458.406	2.179.823.636	77.090.909	12.958.151.132
- Mua trong năm	-	-	584.898.182	-	584.898.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(99.680.000)	-	(99.680.000)
Số dư cuối năm	2.763.778.181	7.937.458.406	2.665.041.818	77.090.909	13.443.369.314
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.300.166.794	2.909.360.577	975.355.900	45.601.013	5.230.484.284
- Khấu hao trong năm	172.777.812	830.563.526	309.354.192	13.030.308	1.325.725.838
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(99.680.000)	-	(99.680.000)
Số dư cuối năm	1.472.944.606	3.739.924.103	1.185.030.092	58.631.321	6.456.530.122
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.463.611.387	5.028.097.829	1.204.467.736	31.489.896	7.727.666.848
Tại ngày cuối năm	1.290.833.575	4.197.534.303	1.480.011.726	18.459.588	6.986.839.192

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.090.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	540.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	134.084.428	60.630.001
	134.084.428	61.170.001
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	52.401.511	61.655.971
	52.401.511	61.655.971

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	3.912.045.587	3.912.045.587	3.637.349.711	3.637.349.711
- Công ty CP điện Trường Giang	3.423.433.847	3.423.433.847	-	-
- Công ty Cổ phần ECO năng lượng và môi trường	1.841.385.239	1.841.385.239	-	-
- Công ty TNHH Hoàng Ngọc Tùng	2.974.761.040	2.974.761.040	-	-
- Công ty TNHH Jiangsu Dingrong Trade	-	-	1.559.520.000	1.559.520.000
- Phải trả các đối tượng khác	2.991.457.406	2.991.457.406	1.675.685.754	1.675.685.754
	15.143.083.119	15.143.083.119	6.872.555.465	6.872.555.465

13 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.104.457.900	2.634.514.900
- Dự phòng lương phải trả người lao động	1.000.000.000	1.131.342.000
	2.104.457.900	3.765.856.900
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	350.097.000	1.312.454.000
	350.097.000	1.312.454.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPTSố 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà
Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	12.392.950	43.085.462	30.692.512	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	19.577.200	19.577.200	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	192.776.462	2.339.205.167	2.067.776.462	-	464.205.167
Thuế Thu nhập cá nhân	-	58.023.275	497.204.856	409.856.175	-	145.371.956
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	78.703.312	78.703.312	-	-
	-	250.799.737	2.950.083.485	2.621.998.611	30.692.512	609.577.123

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	20.559.403.880	20.559.403.880	319.587.865.876	237.424.458.694	102.722.811.062	102.722.811.062
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (1)	-	-	134.802.834.549	92.609.897.535	42.192.937.014	42.192.937.014
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long (2)	16.753.219.880	16.753.219.880	175.385.031.327	131.608.377.159	60.529.874.048	60.529.874.048
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.806.184.000	3.806.184.000	-	3.806.184.000	-	-
- Vay cá nhân	-	-	9.400.000.000	9.400.000.000	-	-
	<u>20.559.403.880</u>	<u>20.559.403.880</u>	<u>319.587.865.876</u>	<u>237.424.458.694</u>	<u>102.722.811.062</u>	<u>102.722.811.062</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2017/HDCV-HM/VCB.HGM-EMIC ngày 02/08/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: tài trợ nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có phương án đầu ra cho các đối tác là Tập đoàn điện lực Việt Nam, các công ty thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam và Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu;
 - Thời hạn của hợp đồng: thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng;
 - Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ; lãi suất tại thời điểm 31/12/2017 từ 3,5%/năm đến 7%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có bảo đảm.
- Hợp đồng tín dụng số 22/2017/HĐCVHM/NHCT145-EMIC ngày 07/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn của hợp đồng: thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/03/2018, thời hạn của mỗi khoản vay không quá 06 tháng;
 - Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ; lãi suất tại thời điểm 31/12/2017 là 5,2%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay thế chấp tài sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	908.063.635	227.000.000	3.509.493.039	24.644.556.674
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.516.616.174	7.516.616.174
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.500.000.000	(2.000.000.000)	(500.000.000)
Trả cổ tức lần 2 năm 2015	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	908.063.635	1.727.000.000	8.026.109.213	30.661.172.848
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	908.063.635	1.727.000.000	8.026.109.213	30.661.172.848
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.052.709.978	9.052.709.978
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.000.000.000	(3.476.000.000)	(2.476.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	908.063.635	2.727.000.000	9.602.819.191	33.237.882.826

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01-17/EPT/NQ-ĐHCĐ ngày 24/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	7.516.616.174
Trích Quỹ đầu tư phát triển	13,30%	1.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32,94%	2.476.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 20% vốn điều lệ)	53,22%	4.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,54%	40.616.174

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Ông Nguyễn Hoa Cường	41,50%	8.300.000.000	2,25%	450.000.000
- Ông Phạm Ngọc Quý	10,50%	2.100.000.000	5,50%	1.100.000.000
- Ông Hoàng Anh Dũng	9,50%	1.900.000.000	4,50%	900.000.000
- Ông Hoàng Phương	9,00%	1.800.000.000	3,50%	700.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	0,00%	-	25,50%	5.100.000.000
- Các cổ đông khác	29,50%	5.900.000.000	58,75%	11.750.000.000
	100%	20.000.000.000	100%	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.000.000.000	1.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.000.000.000	1.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.727.000.000	1.727.000.000
	2.727.000.000	1.727.000.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	609,14	1,13

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPTSố 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	22.608.486.210	66.833.498.099
Doanh thu bán hàng hóa	565.510.728.988	212.743.670.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	264.892.756	1.595.921.817
	588.384.107.954	281.173.090.790

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	237.614.280	1.179.539.655
Giảm giá hàng bán	164.650.022	22.425.000
	402.264.302	1.201.964.655

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	21.806.006.468	57.468.312.529
Giá vốn của hàng hóa đã bán	533.394.881.318	191.817.716.767
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.321.283.818
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	971.164.134	25.203.955
	556.172.051.920	250.632.517.069

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	77.646.523	37.335.993
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	146.631.216	67.342.929
	224.277.739	104.678.922

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.244.661.358	1.942.474.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.964.249	31.911.527
	5.297.625.607	1.974.385.838

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPTSố 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.391.915.145	9.409.392.636
Các khoản điều chỉnh tăng	304.110.688	54.489.672
- Chi phí không hợp lệ	304.110.688	54.489.672
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.696.025.833	9.463.882.308
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.339.205.167	1.892.776.462
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	-	18.297.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	192.776.462	397.447.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.067.776.462)	(2.115.744.704)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	464.205.167	192.776.462

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.052.709.978	7.516.616.174
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.052.709.978	7.516.616.174
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.526	3.758

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.558.756.366	30.185.054.792
Chi phí nhân công	7.902.162.103	9.868.979.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.325.725.838	1.283.878.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.043.471.156	8.855.072.295
Chi phí khác bằng tiền	775.470.393	3.064.526.188
	37.605.585.856	53.257.510.512

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động sản xuất	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	565.108.464.686	22.608.486.210	264.892.756	587.981.843.652	587.981.843.652
Chi phí bộ phận trực tiếp	534.366.045.452	21.806.006.468	-	556.172.051.920	556.172.051.920
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.742.419.234	802.479.742	264.892.756	31.809.791.732	31.809.791.732
Tổng chi phí mua TSCĐ	584.898.182	-	-	584.898.182	584.898.182
Tài sản bộ phận	59.194.156.064	5.034.831.543	-	64.228.987.607	64.228.987.607
Tài sản không phân bổ	-	-	-	94.360.714.208	94.360.714.208
Tổng tài sản	59.194.156.064	5.034.831.543	-	158.589.701.815	158.589.701.815
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	125.351.818.989	125.351.818.989
Tổng nợ phải trả	-	-	-	125.351.818.989	125.351.818.989

Theo khu vực địa lý

Trên 90% hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên không phải lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EPT

Số 91, Phố Hoa Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,
TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.523.300.000	628.806.000

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thảo
Người lập

Nguyễn Thị Thảo
Kế toán trưởng

Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

